

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường của Dự án “Nhà máy Vsun”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Vietnam Sunergy tại Văn bản số 268/CV-MT ngày 26/8/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy Vsun” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Vietnam Sunergy (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô III - Đồng Vàng, KCN Đình Trám, phường Nèn, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 164/QĐ-SNNMT ngày 29/7/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ dự án “Nhà máy Vsun”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang; Công ty Cổ phần Vietnam Sunergy và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, TH;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (lưu HS);
- TT phục vụ HCC tỉnh (trả kết quả);
- Lưu: VT, KTN Tân.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án “Nhà máy Vsun”

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án “Nhà máy Vsun”.
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô III - Đồng Vàng, KCN Đình Trám, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần Vietnam Sunergy.

1.2. Quy mô, công suất:

- Quy mô dự án: Dự án được triển khai trên khu đất có diện tích 10.014 m².
- Công suất của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Đơn vị tính/năm	Quy mô Số lượng
1	Sản xuất pin và ắc quy, chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp tấm module năng lượng mặt trời (thay từ pin bằng từ module)	MW	1.300
	Sản xuất		1.200
	Gia công		100
2	Xây dựng công trình điện, chi tiết: Xây dựng, lắp đặt và thi công (EPC) các trạm điện mặt trời	MW	120
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng có mã HS HS: 3506, 3810, 3919, 3920, 4415, 4819, 4821, 7007, 7604, 8311, 8536, 8541, 2084 (28046100) và 3818 (3818000)	USD	68.494.255

1.3. Công nghệ sản xuất

Quy trình công nghệ sản xuất, gia công, lắp ráp tấm module năng lượng mặt trời:

Nhập nguyên vật liệu → Kiểm tra nguyên liệu → Đo thử → Cắt → Hàn → Bó trí xếp lớp → Ép lớp → Sửa bavia → Lắp khung → Hàn hộp đấu dây → Làm sạch → Kiểm tra → Đóng gói, xuất hàng.

1.4. Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô III-Đồng Vàng, KCN Đình Trám, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh với diện tích là 10.014 m².

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án:

- Các hạng mục công trình chính: Gồm 02 nhà xưởng, trong đó:

+ Nhà xưởng số 01: Diện tích xây dựng 3.024 m², gồm nhà văn phòng 2 tầng với tổng diện tích sàn 760,32 m² và nhà xưởng 1 tầng với diện tích 2.189 m²; nhà kho diện tích 454,8 m².

+ Nhà xưởng số 02: Diện tích xây dựng 2.150 m², gồm nhà văn phòng 2 tầng với tổng diện tích sàn 400,8 m² và nhà xưởng 1 tầng với diện tích 1.949,6 m².

- Các hạng mục công trình phụ trợ:

+ Giai đoạn 1: Nhà ăn diện tích 108 m², khu phụ trợ 540 m², khu để máy nén khí 45m², nhà bảo vệ diện tích 15,73 m².

- Các hạng mục công trình môi trường:

+ Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 18 m², kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 37,6 m² và kho chứa chất thải nguy hại diện tích 7 m², kho hoá chất diện tích 9,6m².

+ 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m³/ngày đêm/hệ thống.

+ 02 hệ thống xử lý khí thải (HTXL), gồm: 01 HTXL khí thải số 01 tại nhà xưởng số 01 công suất 12.000 m³/giờ; 01 HTXL khí thải số 02 tại nhà xưởng số 02 công suất 12.000 m³/giờ.

1.4.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Giai đoạn hoạt động hiện tại.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động nâng công suất.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Dự án có thực hiện hoạt động sản xuất thuộc lĩnh vực sản xuất pin, thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Phụ lục II (STT 11, cột 3) ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án thực hiện tại: Lô III - Đồng Vàng, KCN Đình Trám, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh.

Do đó, dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn hoạt động hiện tại:

- Tác động của nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt.

+ Nước mưa chảy tràn.

- Tác động của bụi, khí thải:

+ Phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực hàn.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực trộn keo, gắn keo.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sử dụng keo.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực lau cùn.

+ Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.

- Tác động của chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải sản xuất thông thường.

- Tác động của CTNH.

2.2. Giai đoạn nâng công suất:

- Tác động của nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt.

+ Nước mưa chảy tràn.

- Tác động của bụi, khí thải:

+ Phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực hàn.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực trộn keo, gắn keo.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sử dụng keo.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực lau cùn.

+ Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.

- Tác động của chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải sản xuất thông thường.

- Tác động của CTNH.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a) Giai đoạn hiện tại

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 13,5 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sản xuất: Không phát sinh (nước làm mát được tuần hoàn tái sử dụng).

b) Giai đoạn nâng công suất:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 18 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sản xuất: Không phát sinh (nước làm mát được tuần hoàn tái sử dụng).

3.1.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn hiện tại

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 01 tại nhà xưởng số 01 với lưu lượng 3.500 m³/giờ.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 02 tại nhà xưởng số 02 với lưu lượng 3.500 m³/giờ.

b) Giai đoạn nâng công suất:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 01 tại nhà xưởng số 01 với lưu lượng 12.000 m³/giờ.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải số 02 tại nhà xưởng số 02 với lưu lượng 12.000 m³/giờ.

3.2. Chất thải rắn, CTNH

3.2.1. Chất thải rắn thông thường.

a) Giai đoạn hiện tại

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 83 kg/ngày. Ngoài ra còn có lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 2kg/ngày, từ bể tự hoại khoảng 70 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khoảng 147.719 kg/năm, bao gồm: Nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng, Phế liệu TPT, Phế liệu Eva, bavia, bao bì hỏng thải...

b) Giai đoạn nâng công suất

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 99 kg/ngày. Ngoài ra còn có lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 4kg/ngày, từ bể tự hoại khoảng 82,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Dự kiến khoảng 475.886 kg/năm, bao gồm: Nguyên liệu, sản phẩm lỗi hỏng, Phế liệu TPT, Phế liệu Eva, bavia, bao bì hỏng thải...

3.2.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn hiện tại: Phát sinh khoảng 2.487 kg/năm. Thành phần bao gồm: găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại; bao bì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu thủy lực tổng hợp thải, mực in thải, keo thải, tấm pin vỡ thải, than hoạt tính thải,...

b) Giai đoạn nâng công suất: Phát sinh khoảng 6.850 kg/năm. Thành phần bao gồm: găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại; bao bì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu thủy lực tổng hợp thải, mực in thải, keo thải, tấm pin vỡ thải, than hoạt tính thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn hiện tại: Phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án và hoạt động của máy móc phục vụ sản xuất.

b) Giai đoạn nâng công suất: Phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án và hoạt động của máy móc phục vụ sản xuất.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải.

a) Giai đoạn hiện tại:

+ Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại có tổng dung tích 33 m³ (gồm 03 bể có dung tích 03 m³/bể, 01 bể có dung tích 16 m³/bể, và 01 bể có dung tích 8 m³); Nước thải sau đó được dẫn ra HTXL nước thải của dự án để tiếp tục xử lý đáp ứng yêu cầu đầu vào của HTXL nước thải tập trung của KCN Đình Trám.

+ Hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học.

Quy trình công nghệ: Nước thải (đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (Đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám).

Điểm đầu nối nước thải: Hố ga đầu nối của hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Đình Trám.

Tiêu chuẩn xả thải: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám.

b) Giai đoạn nâng công suất:

+ Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại có tổng dung tích 33 m³ (gồm 03 bể có dung tích 03 m³/bể, 01 bể có dung tích 16 m³/bể, và 01 bể có dung tích 8 m³); Nước thải sau đó được dẫn ra HTXL nước thải của dự án để tiếp tục xử lý đáp ứng yêu cầu đầu vào của HTXL nước thải tập trung của KCN Đình Trám.

+ Vận hành 01 HTXL nước thải công suất 15 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học MBBR (hệ 1) (*giai đoạn hiện tại*) và lắp đặt 01 HTXL nước thải công suất 15 m³/ngày đêm bằng bồn composite, công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học MBR (hệ 2).

Quy trình công nghệ (hệ 1): Nước thải (đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) → Bể điều hòa (chung với hệ 2) → Bể thiếu khí (bể Anoxic) → Bể hiếu khí (Bể MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (chung với hệ 2) → Hồ ga tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám.

Quy trình công nghệ (hệ 2): Nước thải (đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) → Bể điều hòa (chung với hệ 1) → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể MBR → Bể khử trùng (chung với hệ 1) → Hồ ga tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám.

Điểm đầu nối nước thải: Hồ ga đầu nối của hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Đình Trám.

Tiêu chuẩn xả thải: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn hiện tại:

Gồm 02 hệ thống xử lý khí thải hiện tại 02 nhà xưởng:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01 tại nhà xưởng số 01 công suất 3.500 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp phụ (Lưới lọc bụi + than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 02 tại nhà xưởng số 02 công suất 3.500 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp phụ (Lưới lọc bụi + than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

b) Giai đoạn nâng công suất:

Công ty sẽ tiến hành cải tạo 02 hệ thống xử lý khí thải hiện có, trong đó:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01 tại nhà xưởng số 01 công suất 12.000 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp phụ (Bông lọc bụi + than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 02 tại nhà xưởng số 02 công suất 12.000 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp phụ (Bông lọc bụi + than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

a) Giai đoạn hiện tại:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho có diện tích 18 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất 3 lần/tuần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho có sẵn diện tích 37,6 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao 3 lần/tuần.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho có diện tích 18 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất 2 lần/tuần hoặc theo tình hình thực tế phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho có sẵn diện tích 37,6 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao 2 lần/tuần hoặc theo tình hình thực tế phát sinh.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

- a) Giai đoạn hiện tại: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho có diện tích 7 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao dự kiến khoảng 3 - 6 tháng/lần.

- b) Giai đoạn nâng công suất: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ tại khu vực lưu giữ có diện tích 7 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao dự kiến khoảng 3 tháng/lần hoặc theo tình hình thực tế phát sinh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn hiện tại:

- Không sử dụng máy móc, phương tiện vận chuyển có mức ồn >70 dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70 dBA vào ban đêm (từ 21 ÷ 6h) gần các đối tượng nhạy cảm.

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động (mũ bảo hiểm, chụp tai,...) ở vị trí có tiếng ồn lớn để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

b) Giai đoạn nâng công suất:

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị, máy móc, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật (lắp đặt đệm đàn hồi, gối đàn hồi cao su) cho các máy móc, dây chuyền phát sinh tiếng ồn.

- Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí tại các khu vực phát sinh nhiệt dư.

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý, giảm mật độ giao thông vào giờ cao điểm.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị chống ồn cho công nhân vận hành; thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc sản xuất.

Yêu cầu về BVMT: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ CTRSH, CTRTT, CTNH theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Vận hành công trình xử lý nước thải, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám.

- Thực hiện các chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho cơ quan chức năng theo quy định.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu vào (bể thu gom) và nước thải đầu ra (tại điểm xả nước thải sau xử lý của dự án vào hố ga tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám).

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua (S²), Amoni, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Photpho, Tổng nitơ, Coliform.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 8 Điều 1 Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Quan trắc 05 lần/75 ngày trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý, 07 lần/7 ngày trong giai đoạn hoạt động ổn định.

- Tiêu chuẩn so sánh: Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám.

b) Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 02 ống thoát khí của 02 hệ thống xử lý khí thải của nhà máy.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, Toluene, Xylen, n-hexan, Metanol, n-Butanol, hơi thiếc (Thông số giám sát được quan trắc theo các thông số đặc trưng của từng ống thoát khí).

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc 05 lần/75 ngày trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý, 07 lần/7 ngày trong giai đoạn hoạt động ổn định.

Dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm lấy mẫu tháng 12/2025.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C.

5.2.2. Giai đoạn vận hành chính thức

** Đối với nước thải*

Đối với nước thải sinh hoạt: dự án có lưu lượng xả thải lớn nhất là 30m³/ngày.đêm và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám. Do đó theo khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, liên tục đối với nước thải.

** Đối với khí thải*

Dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP nhưng không có thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá; đồng thời tổng lưu lượng của khí thải là 24.000 m³/giờ. Do vậy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ bụi, khí thải công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

** Giám sát chất thải rắn:*

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- + Tần suất thu gom: hàng ngày.

- + Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng thu gom.

- Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường
- + Tần suất thu gom: hàng tuần.
- + Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng thu gom
- Chất thải nguy hại: đối với CTNH trong sản xuất
- + Tần suất: 6 tháng/lần.
- + Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng thu gom.

Áp dụng: Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chế độ báo cáo: gửi kết quả giám sát về Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Bắc Ninh, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh, Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang tần suất 1 năm/lần.

** Giám sát môi trường lao động*

Thực hiện giám sát môi trường lao động theo quy định của pháp luật hiện hành (trong đó có bao gồm giám sát chỉ tiêu về khí hậu, không khí nhà xưởng, chiếu sáng).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đình Trám; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Định kỳ hằng năm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo) gửi đến UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.